

CÔNG TY CỔ PHẦN TIEĐịa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2012

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			31/03/2012	01/01/2012
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		172.670.544.563	161.951.634.381 /
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	8.804.138.813 /	19.517.661.300 /
1. Tiền	111		1.804.138.813	18.517.661.300
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.000.000.000	1.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		6.454.618.677	7.924.465.001 /
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	11.522.747.206	14.241.925.736 /
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(5.068.128.529)	(6.317.460.735)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		90.227.709.278	82.311.352.760 /
1. Phải thu khách hàng	131	V.4	42.765.173.770 /	47.826.909.757 /
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	2.746.389.237 /	2.714.431.434 /
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.6	50.522.145.892 /	37.576.011.190
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(5.805.999.621) /	(5.805.999.621)
IV. Hàng tồn kho	140		59.833.561.513	46.376.037.663 /
1. Hàng tồn kho	141	V.8	65.825.149.843 /	52.367.625.993
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.9	(5.991.588.330) /	(5.991.588.330)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		7.350.516.282	5.822.117.657 /
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	414.396.620 /	132.333.429
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.376.216.456	1.353.631.022
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		690.030.771	690.030.771
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	3.869.872.435 /	3.646.122.435
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		131.562.544.790	132.664.284.592 /
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

II. Tài sản cố định	220		15.438.217.297	15.618.102.962
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	10.107.832.790	10.284.437.952
<i>Nguyên giá</i>	222		18.199.468.510	18.121.162.511
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(8.091.635.720)	(7.836.724.559)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	4.973.577.497	4.995.039.818
<i>Nguyên giá</i>	228		5.380.992.840	5.380.992.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(407.415.343)	(385.953.022)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.14	356.807.010	338.625.192
III. Bất động sản đầu tư	240		26.629.523.322	26.773.636.617
<i>Nguyên giá</i>	241	V.15	28.610.873.830	28.610.873.830
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		(1.981.350.508)	(1.837.237.213)
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		88.495.117.101	89.044.462.467
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.16	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.17	64.105.056.000	62.973.201.366
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.18	26.704.614.448	28.385.814.448
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.19	(2.314.553.347)	(2.314.553.347)
V. Tài sản dài hạn khác	260		999.687.070	1.228.082.546
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.20	999.687.070	1.228.082.546
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		304.233.089.353	294.615.918.973

		Mã số	Thuyết minh	NGUỒN VỐN	
				31/03/2012	01/01/2012
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		58.848.506.973	56.571.572.150
I. Nợ ngắn hạn		310		58.796.967.861	56.520.033.038
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	38.683.946.420	44.120.677.000	
2. Phải trả người bán	312	V.22	19.486.326.125	6.834.313.362	
3. Người mua trả tiền trước	313	V.23	49.189.744	76.429.642	
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.24	177.033.088	171.878.596	
5. Phải trả người lao động	315		1.615.909	6.100.000	
6. Chi phí phải trả	316		188.998.000	1.209.643.693	
7. Phải trả nội bộ	317		-	-	
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-	
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	209.858.575	1.213.519.374	
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-	
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	2.887.471.371	

CÔNG TY CỔ PHẦN TIEĐịa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

II. Nợ dài hạn	330		51.539.112	51.539.112 -
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	V.26	51.539.112	51.539.112
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		245.384.582.380	238.044.346.823
I. Vốn chủ sở hữu	410		245.384.582.380	238.044.346.823 /
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.27	95.699.000.000	95.699.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.27	117.533.777.249	117.533.777.249
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.27	11.025.017.419	11.025.017.419
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.27	21.126.787.712	13.786.552.155
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		304.233.089.353	294.615.918.973


TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2012

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, P.11, Quận 10, Tp.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**
QUÝ 1 NĂM 2012

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Quý 1 năm 2012	Quý 1 năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	77.069.124.556	69.166.646.529
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	1.077.268.086	52.045.699
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		75.991.856.470 /	69.114.600.830
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	72.791.178.559 /	68.578.402.440
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.200.677.911	536.198.390
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	11.714.696.234 /	8.279.083.079
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	2.380.999.489 /	298.546.015
Trong đó: chi phí lãi vay	23		1.629.795.797	280.237.509
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	4.595.077.444 /	2.358.463.468
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	2.977.854.313 /	2.714.734.565
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		4.961.442.899	3.443.537.421
11. Thu nhập khác	31	VI.8	2.378.795.078 /	3.949.133.155
12. Chi phí khác	32	VI.9	2.420	1.000.767
13. Lợi nhuận khác	40		2.378.792.658	3.948.132.388
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		7.340.235.557	7.391.669.809 /
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>7.340.235.557</u>	<u>7.391.669.809</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70			

Người lập biểu

Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng

Phạm Thúy Oanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2012



Vũ Quốc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BẢO CÁO TÀI CHÍNH

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

QUÝ I NĂM 2012

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN	
TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 148.18
	Giờ: Ngày 25 tháng 04 năm 12

Đơn vị tính: VND

**CHỈ TIÊU**Mã Thuyết
số minh

Kỳ này

Cùng kỳ năm trước

I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh

1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	93.100.386.487	77.575.091.720
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(83.476.526.768)	(43.466.471.855)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(7.233.376.968)	(5.879.508.693)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(1.749.896.242)	(280.237.509)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	1.046.222.530	1.965.499.216
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(4.689.284.581)	(3.052.315.912)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(3.002.475.542)	26.862.056.967

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(86.145.999)	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.468.892.139)	(840.170.878)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.596.716.916	24.525.746.247
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.041.678.778	23.685.575.369

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		30.099.036.220	-
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(35.035.766.800)	(34.121.898.032)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(3.815.995.143)	(4.189.337.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		<u>(8.752.725.723)</u>	<u>(38.311.235.032)</u>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(10.713.522.487)	12.236.397.304
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	19.517.661.300	16.798.113.156
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	<u>8.804.138.813</u>	<u>29.034.510.460</u>



TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2012

Người lập biểu

Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng

Phạm Thúy Oanh



Tổng Giám đốc

Vũ Quốc Vinh

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

QUÝ I NĂM 2012

I. I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; thiết lập mạng lưới thiết bị internet, cung cấp dịch vụ truy nhập Internet công cộng và kinh doanh dịch vụ viễn thông giá trị gia tăng; sản xuất và lắp ráp thiết bị bưu chính viễn thông; kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế và nội địa; kinh doanh nhà hàng, khách sạn (không hoạt động ở Thành phố Hồ Chí Minh); kinh doanh vận chuyển hành khách bằng đường thủy và taxi; cho thuê nhà xưởng, kho bãi; đại lý ký gửi hàng hóa; tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.

II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán**
Kỳ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01/2012 đến ngày 31/03/2012
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán** : đồng Việt Nam (VND)

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện hành trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**
Báo cáo tài chính được trình bày theo nguyên tắc giá gốc
Các đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của toàn Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các đơn vị trực thuộc. Doanh thu và số dư giữa các đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính tổng hợp.
2. **Tiền và tương đương tiền**
Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.
3. **Hàng tồn kho**
Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn trị giá thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo Biên bản thỏa thuận, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-50
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá bất động sản đầu tư bao gồm toàn bộ chi phí mà Công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là 50 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

7. Tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 10 năm.

Bản quyền

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền vào sử dụng và được khấu hao trong 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã chi ra bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí giải phóng mặt bằng, lệ phí trước bạ...

8. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ.

9. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí trong năm.

10. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

11. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả phát sinh trong kỳ.

12. Trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm và Bảo hiểm thất nghiệp

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 tại Công ty. Mức trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm là đảm bảo số dư tối đa bằng 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trong trường hợp Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

13. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu (vốn điều lệ): được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.
- Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị.

14. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

15. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ.

Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

16. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Khi bán hàng hóa, thành phẩm doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hóa đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/03/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Tiền mặt	260.211.751	473.724.041
Tiền gửi ngân hàng	7.543.927.062	12.043.937.259
Các khoản tương đương tiền	1.000.000.000	7.000.000.000
Cộng	8.804.138.813	19.517.661.300

2. Đầu tư ngắn hạn

	<u>31/03/2012</u>		<u>01/01/2012</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty ĐTPT và KCN Sông Đà (SJS)	44.000	2.623.600.000	34.000	2.324.100.000
Cty CP XD-KD Địa ốc Hòa Bình (HBC)	7	60.000	7	60.000
Cty CP Dầu Tường An (TAC)	-	-	6.000	828.000.000
NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	5	71.470	108.675	2.190.750.000
Cty CP CK Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
Công ty TNHH Dụng Cụ Điện Việt Nam		7.919.015.736		7.919.015.736
Cộng		11.522.747.206		14.241.925.736

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn:

- * Cổ phiếu Công ty ĐTPT và KCN Sông Đà (SJS) : tăng do trong kỳ mua thêm 10.000 cổ phiếu .
- * Cổ phiếu Công ty CP Dầu Tường An (TAC) : giảm do trong kỳ bán 6.000 cổ phiếu.
- * Cổ phiếu NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB) : giảm do trong kỳ bán 108.670 cổ phiếu .

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

	<u>31/03/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(5.068.128.529)	(6.317.460.735)

4. Phải thu khách hàng

	<u>31/03/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
<i>Văn phòng Công ty</i>	41.971.657.645	46.897.904.103
Cty CP TIE - Chi nhánh Phú Quốc	24.574.000	27.927.500
Cty CP TIE - Chi nhánh Hà Nội	480.879.725	672.615.131
Cty CP TIE - Chi nhánh Cần Thơ	288.062.400	228.463.023
Cộng	42.765.173.770	47.826.909.757

5. Trả trước cho người bán

	<u>31/03/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
<i>Văn phòng Công ty</i>	2.371.616.637	1.711.416.434
<i>Cty CP TIE - Chi nhánh Phú Quốc</i>	374.772.600	1.003.015.000
Cộng	2.746.389.237	2.714.431.434

CÔNG TY CỔ PHẦN TIEĐịa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**6. Các khoản phải thu khác**

	<u>31/03/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Cổ tức và lợi nhuận được chia	41.600.000.000	33.600.000.000
Tạm chi quỹ khen thưởng phúc lợi	1.303.963.865	-
Dự án cao ốc 376 Điện Biên Phủ	-	8.077.570
Tài khoản tại Công ty CK Ngân hàng Đông Á	402.479.052	261.328.227
Công ty TNHH Dụng Cụ Điện Việt Nam (PTV)	143.634.680	143.634.680
NH TMCP Xuất nhập khẩu VN (Eximbank)	-	114.595.800
Công ty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.)(*)	3.210.000.000	3.210.000.000
Thù lao Hội đồng quản trị	140.181.966	-
Chi cổ tức cho Cổ đông	3.454.246.143	-
Các khoản phải thu khác	267.640.186	238.374.913
Cộng	<u>50.522.145.892</u>	<u>37.576.011.190</u>

(*) Khoản phải thu Cty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.) đã được lập dự phòng từ năm 2008 do khó có khả năng thu hồi.

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>31/03/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
<i>Dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán</i>		
Khoản phải thu Lê Nguyễn Vũ	(35.000.000)	(35.000.000)
Khoản phải thu Cty CP thế hệ mới NGT	(3.210.000.000)	(3.210.000.000)
Khoản phải thu Cty TH Điện Từ Thuận An	(2.421.569.620)	(2.421.569.620)
Khoản phải thu Cty CP Điện máy - Máy tính Viễn Thông Hợp Nhất	(139.430.001)	(139.430.001)
Cộng	<u>(5.805.999.621)</u>	<u>(5.805.999.621)</u>

8. Hàng tồn kho

	<u>31/03/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Hàng mua đang đi trên đường	-	3.069.832.896
Nguyên liệu, vật liệu	966.684.250	188.256.275
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	36.313.171	41.216.504
Thành phẩm	322.507.402	116.837.196
Hàng hóa	64.349.972.368	48.614.645.426
Hàng gửi đi bán	149.672.652	336.837.696
Cộng	<u>65.825.149.843</u>	<u>52.367.625.993</u>

9. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>31/03/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Hàng hóa	(5.991.588.330)	(5.991.588.330)

10. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>31/03/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
<i>Văn phòng Công ty</i>	<i>198.022.728</i>	<i>117.564.772</i>
Chi phí thuê kho, nhà tại Chi nhánh	198.022.728	109.805.000
Chi phí bảo hiểm cháy nổ	-	7.759.772
<i>Cty CP TIE - Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>6.185.000</i>	<i>3.027.273</i>
<i>Cty CP TIE - Chi nhánh Phú Quốc</i>	<i>210.188.892</i>	<i>11.741.384</i>
Cộng	<u>414.396.620</u>	<u>132.333.429</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TIEĐịa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**11. Tài sản ngắn hạn khác**

	31/03/2012	01/01/2012
Tài sản thiếu chờ xử lý	3.458.322.435	3.458.322.435
Tạm ứng	356.550.000	132.800.000
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	55.000.000	55.000.000
Cộng	3.869.872.435	3.646.122.435

12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
1. Số đầu kỳ	12.713.714.365	571.328.984	4.002.861.860	833.257.302	18.121.162.511
2. Tăng trong kỳ	-		22.805.999	55.500.000	78.305.999
Trong đó	-				-
Mua mới	-		22.805.999	55.500.000	78.305.999
3. Giảm trong kỳ	-				-
4. Số cuối kỳ	12.713.714.365	571.328.984	4.025.667.859	888.757.302	18.199.468.510

Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng

568.062.102	488.877.892	-	380.094.276	1.437.034.270
-------------	-------------	---	-------------	---------------

- Nguyên giá TSCĐ cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 1.437.034.270 đồng

Giá trị hao mòn

Số đầu kỳ	5.245.140.229	549.182.190	1.366.946.750	675.455.390	7.836.724.559
Tăng trong kỳ	122.350.119	3.791.388	100.465.627	28.304.027	254.911.161
Giảm trong kỳ	-				-
Số cuối kỳ	5.367.490.348	552.973.578	1.467.412.377	703.759.417	8.091.635.720

Giá trị còn lại

Số đầu kỳ	7.468.574.136	22.146.794	2.635.915.110	157.801.912	10.284.437.952
Số cuối kỳ	7.346.224.017	18.355.406	2.558.255.482	184.997.885	10.107.832.790

CÔNG TY CỔ PHẦN TIEĐịa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Giá trị hao mòn			
Số đầu kỳ	385.953.022	-	385.953.022
Tăng trong kỳ	21.462.321	-	21.462.321
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	407.415.343	-	407.415.343
Giá trị còn lại			
Số đầu kỳ	472.539.818	4.522.500.000	4.995.039.818
Số cuối kỳ	451.077.497	4.522.500.000	4.973.577.497

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu kỳ 01/01/2012	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ 31/03/2012
- Chi phí thiết kế văn phòng Phú Quốc	166.784.416	18.181.818	-	184.966.234
- Thiết kế cửa hàng kinh doanh SP điện	81.818.182	-	-	81.818.182
- Khác	90.022.594	-	-	90.022.594
Cộng	338.625.192	18.181.818	-	356.807.010

15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

	Số đầu kỳ 01/01/2012	Tăng trong kỳ	Số cuối kỳ 31/03/2012
Nguyên giá	28.610.873.830	-	28.610.873.830
Giá trị hao mòn	1.837.237.213	144.113.295	1.981.350.508
Giá trị còn lại	26.773.636.617	-	26.629.523.322

Bất động sản đầu tư gồm:

* Quyền sử dụng thừa đất tại khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m². Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007.

* Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m² đất tại Phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm

Tại thời điểm cuối kỳ Công ty chưa có điều kiện để xác định giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư nêu trên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	31/03/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina		53.665.056.000		53.665.056.000
- Công ty CP Đầu Tư TIE-EXIM		10.440.000.000		9.308.145.366
Cộng		64.105.056.000		62.973.201.366

* Công ty CP TIE đã đầu tư vào Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina bằng quyền sử dụng 58.200 m2 đất tại xã Linh Trung, Quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh với giá trị 53.665.056.000 VND (tương đương 3.492.000USD) trong vòng 20 năm kể từ năm 1995, chiếm 20% vốn điều lệ.

* Công ty đã đầu tư góp vốn vào Công ty CP Đầu Tư TIE-EXIM số tiền 10.440.000.000 VND, chiếm 29% vốn điều lệ. Trong quý 1 năm 2012 Công ty có góp thêm 1.131.854.634 VND cho đủ vốn điều lệ.

17. Đầu tư dài hạn khác

<i>Đầu tư cổ phiếu</i>	31/03/2012		01/01/2012	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
NH TMCP Xuất nhập khẩu VN	812.078	9.101.784.448	822.289	10.782.984.448
Cty CP vận chuyển Saigon Tourist	58.212	603.120.000	58.212	603.120.000
Cty CP DV Bưu chính VT Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	1.431.327	8.674.710.000
Cty CP BDS Sài Gòn Đông Dương	600.000	6.000.000.000	600.000	6.000.000.000
Cty CP Văn hóa Tân Bình	40.875	2.325.000.000	40.875	2.325.000.000
Cộng		26.704.614.448		28.385.814.448

* Trong kỳ công ty có nhận 139.789 cổ phiếu (cổ tức) và đã bán 150.000 cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam.

19. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

	31/03/2012	01/01/2012
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(2.314.553.347)	(2.314.553.347)

20. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu kỳ 01/01/2012	Tăng trong kỳ	K/chuyển vào cphi SX trong kỳ	Số cuối kỳ 31/03/2012
<i>Văn phòng Công ty</i>	1.228.082.546	234.090.900	462.486.376	999.687.070
<i>Chi nhánh Cần Thơ</i>	-	-	-	-
Cộng	1.228.082.546	234.090.900	462.486.376	999.687.070

21. Vay và nợ ngắn hạn

	31/03/2012	01/01/2012
Vay ngắn hạn NHTM cổ phần Công thương VN - CN TPHCM	28.683.946.420	44.120.677.000
Vay ngắn hạn Tổng Cty Công Nghiệp Sài Gòn - TNHH Một Thành Viên	10.000.000.000	-
	38.683.946.420	44.120.677.000

Công ty ký hợp đồng vay ngắn hạn số 11.773001/HĐTDHM ngày 06 tháng 01 năm 2011 với Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh TP Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2011 và quý I năm 2012. Hai bên thỏa thuận nội dung cho vay không có đảm bảo bằng tài sản là 70 tỷ VNĐ (bao gồm cả VND và

Công ty ký hợp đồng vay ngắn hạn số 30N/HĐ/TIE12 ngày 22 tháng 02 năm 2012 với Tổng công ty Công Nghiệp Sài Gòn để phục vụ kế hoạch kinh doanh năm 2012.

CÔNG TY CỔ PHẦN TIEĐịa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM
BÁO CÁO TÀI CHÍNH**22. Phải trả người bán**

	<u>31/03/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Công ty TNHH Điện tử Samsung Vina	18.690.078.158	6.352.295.859
A-DATA Technology Co., Ltd	721.690.200	458.632.560
Phải trả nhà cung cấp khác	74.557.767	23.384.943
Cộng	19.486.326.125	6.834.313.362

23. Người mua trả tiền trước

	<u>31/03/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Văn phòng Công ty	46.489.745	76.429.642
Chi nhánh Hà Nội	2.699.999	
Cộng	49.189.744	76.429.642

24. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số đầu kỳ</u> <u>01/01/2012</u>	<u>Số phải nộp</u> <u>trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong</u> <u>kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ</u> <u>31/03/2012</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	44.644.769	139.088.396	142.158.309	41.574.856
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	47.470.349	391.708.069	360.332.815	78.845.603
- Thuế xuất, nhập khẩu	9.307.910	34.007.530	41.674.445	1.640.995
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	(690.030.771)	-	-	(690.030.771)
- Thuế thu nhập cá nhân	70.455.568	427.304.232	442.788.166	54.971.634
- Các loại thuế khác	-	8.000.000	8.000.000	-
Cộng	(518.152.175)	1.000.108.227	994.953.735	(512.997.683)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Quý 1 năm 2012</u>	<u>Quý 1 năm 2011</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	7.340.235.557	7.391.669.809
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập	(9.371.434.200)	(7.699.746.800)
- Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập	9.371.434.200	7.699.746.800
Tổng thu nhập chịu thuế	(2.031.198.643)	(308.076.991)
Thu nhập được miễn thuế		
Thu nhập tính thuế	(2.031.198.643)	(308.076.991)
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	-	-
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>31/03/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Kinh phí công đoàn	51.247.952	49.975.824
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	-	361.749.000
Thù lao của Hội đồng quản trị	-	329.868.034
Cty CP Bất động sản EXIM	-	345.115.075
Các khoản phải trả khác	158.610.623	126.811.441
Cộng	209.858.575	1.213.519.374

26. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	<u>31/03/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	51.539.112	51.539.112

27. Vốn chủ sở hữu

	<u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u>	<u>Quỹ đầu tư phát triển</u>	<u>Quỹ dự phòng tài chính</u>	<u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u>
Số dư đầu kỳ	95.699.000.000	117.533.777.249	11.025.017.419	13.786.552.155
Lợi nhuận tăng trong kỳ				7.340.235.557
Số dư cuối kỳ	95.699.000.000	117.533.777.249	11.025.017.419	21.126.787.712

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

		Tỷ lệ (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.990.000.000	70%
Vốn góp của các cổ đông	28.709.000.000	30%
Cộng	95.699.000.000	100%

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Tổng doanh thu	77.069.124.556	69.166.646.529
- Doanh thu bán hàng hóa	70.773.863.629	62.235.313.468
- Doanh thu bán thành phẩm	541.831.689	887.769.924
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	98.979.091	77.374.546
- Doanh thu bán hàng (CN Phú Quốc)	3.559.333.115	4.285.239.862
- Doanh thu bán hàng (Chi nhánh Hà Nội)	1.593.209.137	1.394.118.758
- Doanh thu bán hàng (Chi nhánh Cần Thơ)	501.907.895	286.829.971
Các khoản giảm trừ doanh thu	1.077.268.086	52.045.699
- Hàng bán bị trả lại	1.077.268.086	52.045.699
Doanh thu thuần	75.991.856.470	69.114.600.830

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Giá vốn thành phẩm xuất bán (VP Cty)	564.321.715	545.930.082
Giá vốn của hàng hóa xuất bán (VP Cty)	67.686.542.248	63.148.534.524
Giá vốn hàng bán (Chi nhánh Phú Quốc)	2.687.781.726	3.277.429.144
Giá vốn hàng bán (Chi nhánh Hà Nội)	1.403.618.842	1.337.079.662
Giá vốn hàng bán (Chi nhánh Cần Thơ)	448.914.028	269.429.028
Cộng	72.791.178.559	68.578.402.440

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Lãi tiền gửi	103.859.622	524.663.165
Lãi đầu tư cổ phiếu	990.058.470	-
Lợi nhuận được chia	8.000.000.000	6.500.000.000
Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	1.249.332.206	-
Cổ tức	1.371.434.200	1.199.746.800
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	11.736	54.673.114
Cộng	11.714.696.234	8.279.083.079

4. Chi phí tài chính

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.629.795.797	280.237.509
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	58.086.286	18.308.506
Lỗ đầu tư cổ phiếu	683.400.000	-
Khác	9.717.406	-
Cộng	2.380.999.489	298.546.015

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 376 Điện Biên Phủ, Phường 11, Quận 10, TP.HCM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH**5. Chi phí bán hàng**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.830.661.904	1.161.038.351
Chi phí công cụ, dụng cụ	2.318.214	3.284.540
Chi phí dụng cụ bán hàng	22.506.137	39.784.070
Chi phí khấu hao tài sản cố định	173.224.839	172.081.428
Chi phí bảo hành	119.258.623	46.485.315
Chi phí dịch vụ mua ngoài	602.847.478	528.473.777
Chi phí khác	1.844.260.249	407.315.987
Cộng	4.595.077.444	2.358.463.468

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí cho nhân viên	1.417.665.415	1.368.994.818
Chi phí vật liệu quản lý	35.916.436	28.209.257
Chi phí đồ dùng văn phòng	51.255.009	28.229.221
Chi phí khấu hao tài sản cố định	247.261.938	245.602.014
Thuế, phí và lệ phí	18.288.173	9.492.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	148.776.780	177.967.935
Chi phí khác	1.058.690.562	856.239.320
Cộng	2.977.854.313	2.714.734.565

7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Thu khác	16.129.565	30.477.759
Thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	2.362.665.513	464.109.941
Thu được do đền bù giải phóng mặt bằng	-	3.454.545.455
Cộng	2.378.795.078	3.949.133.155

8. Chi phí khác

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí khác	2.420	1.000.767
Cộng	2.420	1.000.767

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 04 năm 2012



Tổng Giám đốc

Vũ Quốc Vinh